

Công Trình Nghiên Cứu Tác Dụng Điều Trị Của Bài Thuốc Hạ Áp

Kết quả nghiên cứu về hóa thực vật

Kết quả định tính một số hợp chất hữu cơ

Dịch chiết toàn phần trà hạ áp có chứa: saponin, glycosid, flavon.

Dịch chiết toàn phần trà hạ áp không có chứa anthraquinon, alcaloid, coumarin và tinh dầu.

Kết quả định tính các hợp chất hữu cơ có trong dịch chiết toàn phần trà hạ áp bằng phương pháp sắc ký:

+ Hợp chất hữu cơ trong dịch chiết ether dầu hỏa: nhóm hợp chất hữu cơ khác với alcaloid, flavon, saponines, tinh dầu, coumarin, anthraquinon.

+ Các hợp chất hữu cơ trong dịch chiết etyl acetat của trà hạ áp: sau khi tách bằng phương pháp sắc ký trên cột silic và định tính trên tấm SKLM, chúng tôi có được 9 phân đoạn với Rf tuần tự là 0,82; 0,72; 0,70; 0,65; 0,55; 0,50; 0,45 trong dung môi của SKLM, ether dầu hỏa; AcOEt (50;50). Có 2 phân đoạn không cho phản ứng với các loại thuốc thử thông thường. Những phân đoạn này đều cho phản ứng dương tính với flavon và không cho phản ứng với anthraquinon, alcaloid, tinh dầu và coumarin.

Kết luận chung về nghiên cứu thành phần hóa học của bài thuốc

Dịch chiết toàn phần trà hạ áp có chứa: saponin, glycozid, flavon.

Dịch chiết toàn phần trà hạ áp không có chứa anthraquinon, alcaloid, coumarin và tinh dầu.

Đã có một số hợp chất hữu cơ hiện diện trong các vị thuốc không có trong chế phẩm trà hạ áp mà các vị thuốc nêu trên cấu thành.

Kết quả nghiên cứu độc tính của trà hạ áp

Độc tính cấp diễn của thuốc: thuốc đã dùng với liều rất cao nhưng không gây ngộ độc cấp, không xác định được liều LD50.

Độc tính trường diễn của trà hạ áp: thuốc không gây độc khi dùng dài ngày

Thuốc không làm giảm cân súc vật thí nghiệm khi dùng dài ngày.

Thuốc không làm thay đổi đáng kể số lượng hồng cầu, bạch cầu.

Thuốc không ảnh hưởng đến chức năng gan.

Thuốc không làm thay đổi cấu trúc gan, thận.

Sự khác biệt giữa 2 nhóm không có ý nghĩa thống kê ($P > 0,05$; $\sigma = 8$).

Kết quả nghiên cứu dược lý thực nghiệm của trà hạ áp ảnh hưởng của thuốc trên huyết áp mèo: tác dụng hạ áp rõ rệt ở liều 2g/kg, tác dụng hạ áp chậm (sau 15 phút), hạ từ từ và kéo dài đến 100 phút. Sự sai biệt có ý nghĩa với độ tin cậy 95% ($P = 0,05$; $\sigma=7$).

ảnh hưởng của thuốc trên nhịp tim (tim cô lập): thuốc làm chậm nhịp tim, giảm nhẹ co bóp cơ tim ở các nồng độ 1/50, 1/10 (sai biệt có ý nghĩa với độ tin cậy 95%; $\sigma=9$). Khi ngừng tim, thấy tim chết ở thì tâm trương.

ảnh hưởng của thuốc trên vận động tự nhiên của súc vật thí nghiệm: thuốc không ảnh hưởng trên vận động tự nhiên của súc vật thí nghiệm. Sai biệt không có ý nghĩa thống kê ($\sigma=38$; $P>0,05$).

ảnh hưởng của trà hạ áp trên mô hình khảo sát tác dụng lợi tiểu: lượng nước tiểu bài tiết trung bình ở cả 2 nhóm không khác nhau. Sự khác biệt giữa 2 nhóm không có ý nghĩa thống kê ($P>0,05$; $\sigma=38$). Không có sự khác nhau đáng kể về sự bài tiết ion trước và sau khi uống thuốc. Sự khác biệt không có ý nghĩa ($P>0,05$; $\sigma=18$).

Kết quả dược lý lâm sàng của trà hạ áp (gồm 68 nam; 29 nữ)

ảnh hưởng của thuốc trên trị số huyết áp của người tăng huyết áp:

Thay đổi tức thời trị số huyết áp sau khi dùng thuốc:

+ Trà hạ áp có khả năng hạ được huyết áp ngay từ giờ đầu. Tác dụng này xuất hiện rõ rệt ở 2 giai đoạn (I và II) của tăng huyết áp. Sai biệt ở nhóm tăng huyết áp giai đoạn III không có ý nghĩa ($P> 0,05$; $\sigma=3$).

+ Tuy nhiên mức độ hạ huyết áp không nhiều. ở nhóm tăng huyết áp giai đoạn I: trị số huyết áp hạ được là 18mmHg ở huyết áp tâm thu và 5 mmHg ở huyết áp tâm trương; ở nhóm tăng huyết áp giai đoạn II: trị số huyết áp hạ được là 7mmHg ở huyết áp tâm thu và 3 mmHg ở huyết áp tâm trương.

Thay đổi trị số huyết áp khi dùng thuốc dài ngày:

+ Trà hạ áp ổn định được huyết áp ở giai đoạn I và II của bệnh tăng huyết áp. Sai biệt có ý nghĩa thống kê ($P = 0,05$; $\sigma_1=44$; $\sigma_2=47$).

+ Trị số huyết áp được ổn định rõ nhất sau ngày thứ 5.

Thay đổi trị số huyết áp sau khi ngừng thuốc: sau khi ngừng thuốc, không thấy có hiện tượng nảy ngược của huyết áp.

Diễn biến thay đổi trị số huyết áp trong 90 ngày dùng thuốc (trên 9 bệnh nhân tăng huyết áp nhẹ và trung bình): thuốc có khả năng giữ huyết áp ổn định trên

những trường hợp tăng huyết áp nhẹ và trung bình. Sai biệt có ý nghĩa ($P=0,05$; $\sigma=8$).

Những tác dụng dược lý lâm sàng khác

ảnh hưởng của thuốc trên sự bài tiết nước tiểu: trà hạ áp không làm thay đổi natri và clo trong máu và nước tiểu, trước và sau khi dùng thuốc. Sai biệt không có ý nghĩa ($P > 0,05$; $\sigma=90$).

ảnh hưởng của thuốc trên nhịp tim của bệnh nhân:

+ Trên 97 bệnh nhân dùng thuốc, trà hạ áp không làm thay đổi nhịp tim (sự sai biệt của các kết quả không có ý nghĩa thống kê).

+ Thuốc dùng sau 10 ngày không làm thay đổi các men gan, sai biệt không có ý nghĩa ($P > 0,05$; $\sigma=96$).

ảnh hưởng của thuốc trên các triệu chứng chức năng:

+ Sau khi dùng thuốc, có cảm giác dễ chịu, có cảm giác mát trong người.

+ Thuốc có mùi vị dễ uống.

+ Không có bất kỳ tác dụng phụ nào.

Kết luận chung về tác dụng của trà hạ áp

Chứng minh được một mặt của ý nghĩa “bổ âm ghìm dương” của YHCT.

ứng dụng vào điều trị bệnh tăng huyết áp nhẹ và trung bình cho cả 3 thể lâm sàng YHCT.